

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TƯ NGHĨA
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 31- 5 - 2022

V/v: “Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con sau khi ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TƯ NGHĨA, TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thanh Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đinh Thị Thu Hằng.
2. Bà Lê Thị Ngọc Lâm.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Tiểu Quỳnh – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2022, tại Hội trường xử án Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 45/2022/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2022. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 32/2022/QĐST-HNGĐ ngày 13/5/2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Võ Minh Đ, sinh năm 1972;

Cư trú: Xóm L, thôn Đ, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1971;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm L, thôn Đ, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

Nơi cư trú hiện nay: Xóm L, thôn L, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

Ông Đ có đơn xin xét xử vắng mặt; bà B vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện ngày 25/01/2022, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn ông Võ Minh Đ trình bày:*

Ông Đ và bà Nguyễn Thị B tự tìm hiểu quen biết, yêu thương được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 1997. Sau khi cưới, vợ chồng sinh 02 con chung là Võ Thị Thúy Đ (sinh ngày 28/8/1997) và Võ Thanh H (sinh ngày 24/4/2004), nhưng đến năm 2002 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, ông Đ và bà B thường xuyên xảy ra cãi vã. Những lúc mâu thuẫn bà B tự ý bỏ nhà ra ngoài sống riêng, lúc thì về cha mẹ ruột tại xóm L, thôn L, xã N sinh sống. Nhiều năm qua bà B không quan tâm chăm sóc gia đình, bỏ mặc ông Đ và con cái tự lo, ông Đ và bà B sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Nay xét thấy, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, ông Đ yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông Đ được ly hôn với bà Nguyễn Thị B.

Khi ly hôn cháu Võ Thị Thúy Đ đã thành niên, có công ăn việc làm thu nhập ổn định, nên không yêu cầu xem xét. Còn cháu Võ Thanh H đang sinh sống cùng ông Đ, ông Đ yêu cầu tiếp tục nhận chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Võ Thanh H cho đến khi thành niên, ông không yêu cầu bà Nguyễn Thị B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông Võ Minh Đ trình bày không có.

** Tại bản tự khai ngày 24/3/2022, bị đơn bà Nguyễn Thị B trình bày:*

Về con chung, tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn như ông Đ trình bày là đúng. Quá trình sống chung giữa bà với ông Đ đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, không thể hàn gắn được vì ông Đ đã đánh đập bà nhiều lần, ông Đ còn đuổi bà ra khỏi nhà. Từ đó, bà dọn ra ngoài sống riêng, mặc dù cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, nhưng vì không muốn ảnh hưởng đến các con nên bà không đồng ý ly hôn. Vì không đồng ý ly hôn với ông Đ, nên bà không yêu cầu gì về con chung.

Về tài sản chung: Bà B không yêu cầu gì; Về nợ chung: Không có.

- *Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:*

+ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70 và Điều 71 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật tại Điều 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông Võ Minh Đ; khi ly hôn giao con chung là cháu Võ Thanh H, sinh ngày 24/4/2004 cho ông Võ Minh Đ tiếp tục nhận chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Ông Đ không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Đối với cháu Võ Thị Thúy Đ đã thành niên, tự lo cuộc sống nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về án phí sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Hiện nay, bị đơn bà Nguyễn Thị B, có đăng ký hộ khẩu thường trú và đang sinh sống tại xã N, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi được quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[1.2] Về xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn: Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2022/QĐST-HNGĐ ngày 13/5/2022 cho nguyên đơn và bị đơn, nhưng bị đơn vắng mặt 02 lần không có lý do, còn nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ, quy định điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn và thủ tục xét xử vắng mặt tất cả các bên đương sự theo quy định tại Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự là phù hợp với quy định pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Võ Minh Đ và bà Nguyễn Thị B tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2002 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn, nên quan hệ hôn nhân giữa ông Đ và bà B là hợp pháp quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Xét về mâu thuẫn vợ chồng, Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong quá trình chung sống, ông Đ và bà B thừa nhận vợ chồng sống không có hạnh phúc, thường xuyên xảy ra cãi vã, vợ chồng đã sống ly thân, điều này cũng được Hội liên hiệp phụ nữ xã N xác nhận. Tòa triệu tập bà B đến Tòa án tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, nhưng bà B không đến Tòa tham gia phiên hòa giải, điều đó chứng tỏ bà B không quan tâm đến sự hàn gắn trong quan hệ vợ chồng, điều này phù hợp với lời trình bày của ông Đ và bà B là quan hệ tình cảm vợ chồng đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Minh Đ, cho ông Võ Minh Đ được ly hôn với bà Nguyễn Thị B, là phù hợp với quy định khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

2.2] Về con chung: Giữa ông Đ và bà B có 02 con chung là cháu Võ Thị Thúy Đ, sinh ngày 28/8/1997 và Võ Thanh H, sinh ngày 24/4/2004. Hiện nay cháu Võ Thanh H đang sinh sống cùng anh Đ. Còn cháu Võ Thị Thúy Đ đã thành niên tự lập cuộc sống không còn phụ thuộc gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy, cháu Võ Thanh H hiện đang được anh Đ là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và tại bản tự khai cháu H có nguyện vọng cháu ở với ông Đ. Vì vậy, để đảm bảo quyền, lợi ích về mọi mặt của cháu H, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Đ, giao cháu Võ Thanh H cho ông Đ tiếp tục trực tiếp nhận chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Đối với cháu Võ Thị Thúy Đ đã thành niên, có khả năng lao động tự nuôi bản thân nên Hội đồng không xem xét. Ông Đ không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Ông Đ trình bày không có, bà B không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Ông Đ, bà B đều trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định, phân tích, đánh giá của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Ông Đ phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Căn cứ vào Điều 8, Điều 9; Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông Võ Minh Đ được ly hôn bà Nguyễn Thị B.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Võ Thanh H, sinh ngày 24/4/2004 cho ông Võ Minh Đ trực tiếp nhận chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà Nguyễn Thị B không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở.

Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu, nên Tòa án không giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, nên Tòa án không giải quyết.

5. Về án phí: Ông Võ Minh Đ phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) do ông Đ đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002012 ngày 14/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

6. Quyền kháng cáo: Ông Võ Minh Đ, bà Nguyễn Thị B đều vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Tư Nghĩa;
- Chi cục THADS huyện Tư Nghĩa;
- UBND xã N, huyện T;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, VT;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thanh Hùng